

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/DS-ST

Ngày: 14/6/2022

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Lập
Bà Trần Thị Tuyết
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 09,10 tháng 6 và các ngày 13,14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2021/TLST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về giao dịch dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-DS ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 12, khu 2, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh Hu, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số 575, Nguyễn Văn Cừ, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/8/2021); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Hu1, sinh năm 1984; nơi ĐKKHTT: Tổ Đ, phường H2, quận A, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Tổ 23, khu 2B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do).

3. Người làm chứng: Chị Vũ Ngọc M, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 10, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2021, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th và bị đơn chị Vũ Thị Hu1 có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 20/3/2021, anh Th và chị Hu1 đã lập Giấy biên nhận cùng nhau góp vốn mua chung ô đất số 18, lô LK1, dự án PA tại xã T, huyện HB (nay là thành phố H) với giá 1.446.000.000đồng, anh Th góp $\frac{1}{2}$ giá trị của thửa

đất là 723.000.000đồng. Tuy nhiên, trên thực tế giấy tờ pháp lý vẫn đứng tên một mình bị đơn Vũ Thị Hu1 là chủ sử dụng đất, anh Th không được cầm bất kỳ giấy tờ pháp lý nào của thửa đất trên, việc anh Th có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất chỉ do hai bên tự ghi nhận và trước đó ngày 19/3/2021, anh Th mới chuyển cho chị Hu1 số tiền là 630.000.000đồng. Số tiền còn lại 93.000.000đồng anh Th chưa chuyển cho chị Hu1 vì sau khi góp vốn thì chị Hu1 đổi ý, thửa đất sẽ không bán ngay sau 1,2 tuần như đã thỏa thuận trước đó mà sẽ đợi đến cuối năm hoặc sang năm mới bán. Do không có vốn đầu tư lâu dài nên ngày 25/3/2021, anh Th đã thông báo với chị Hu1 về việc xin rút tiền góp vốn, chị Hu1 đồng ý và nói sẽ trả lại số tiền mà anh Th đã góp mua chung đất là 630.000.000đồng. Ngày 01/4/2021 và ngày 07/4/2021 chị Hu1 chuyển trả lại cho anh Th qua tài khoản ngân hàng, tổng số tiền là 400.000.000đồng. Còn lại 230.000.000đồng, mặc dù đã nhiều lần hứa hẹn nhưng đến nay chị Hu1 vẫn chưa trả lại.

Vì vậy, anh Th khởi kiện yêu cầu chị Hu1 phải trả cho anh Th số tiền 230.000.000đồng + tiền chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả là 02 tháng (từ 01/5/2021 đến 30/6/2021) là $230.000.000\text{đồng} \times (2:12) \text{ năm} \times \text{lãi suất tạm tính } 10\% = 3.833.000\text{VND}$. Tổng số tiền chị Hu1 phải trả cho anh Th là 233.833.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Vũ Thị Hu1 đã được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị Hu1 đều từ chối không nhận, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời, chị Hu1 cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th.

Tại đơn xác nhận ngày 16/12/2021 người làm chứng Vũ Thị Ngọc M trình bày: Ngày 20/3/2021 chị M chứng kiến nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch góp vốn mua chung ô đất số 18, lô LK1, dự án PA tại xã T, huyện HB (nay là thành phố H). Việc góp vốn được lập bằng giấy biên nhận viết tay có chữ ký của anh Th, chị Hu1 và chị M. Vì lý do công việc nên chị M xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên nội dung như đã trình bày tại Đơn xác nhận.

Tại đơn trình bày ngày 01/6/2022 chị Trần Thị Tiến To vợ của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th trình bày: Số tiền anh Th góp vốn chung với chị Hu1 là tài sản riêng của anh Th, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh chị, chị Toa không liên quan gì đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã thể hiện tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, cụ thể: Yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 230.000.000đồng + tiền chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả là 02 tháng (từ 01/5/2021 đến 30/6/2021) là $230.000.000\text{đồng} \times (2:12) \text{ năm} \times \text{lãi suất tạm tính } 10\% = 3.833.000\text{VND}$. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 233.833.000đồng.

Tại phần tranh tụng, người đại diện theo ủy quyền đề nghị xin được bổ sung yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, buộc bị đơn phải trả thêm tiền lãi chậm trả của 11 tháng (từ 01/7/2021 đến 31/5/2022) là 21.083.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 230.000.000đồng và tiền lãi chậm trả 02 tháng là 3.833.000đồng. Tổng cộng là 233.833.000đồng. Ngoài ra, không chấp ý kiến bổ sung yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khi phiên tòa đang trong phần tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại giai đoạn thụ lý Tòa án xác định vụ án “*Tranh chấp về giao dịch dân sự*”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có lập Giấy biên nhận thỏa thuận về việc nguyên đơn góp vốn với bị đơn để mua chung đất. Sau đó, hai bên nhất trí chấm dứt việc góp vốn nhưng bị đơn mới chỉ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã góp là 400.000.000đồng và vẫn giữ của nguyên đơn 230.000.000đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền góp vốn còn lại và tiền lãi chậm trả, tổng cộng 233.833.000đồng. Như vậy, cần xác định lại đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, cụ thể là tiền góp vốn mua chung đất. Bị đơn chị Vũ Thị Hu1 có nơi cư trú tại thành phố thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều trốn tránh, không hợp tác. Khi Cơ quan Thừa phát lại gặp được trực tiếp bị đơn để giao các văn bản tố tụng của Tòa án thì bị đơn từ chối, không nhận bất kỳ giấy tờ, văn bản nào của Tòa án. Trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương, Cơ quan Thừa phát lại đã lập biên bản ghi nhận sự việc. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, từ bỏ quyền của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và

Tòa án đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

-Về yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã góp vốn mua chung đất 230.000.000đồng:

Theo nội dung thể hiện trên Giấy biên nhận được lập ngày 20/3/2020 giữa nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th và bị đơn Vũ Thị Hu1 thì bị đơn đã nhận của nguyên đơn số tiền góp vốn để mua chung ô đất số 18, lô LK1, dự án PA – T - HB (mang tên chủ sử dụng Vũ Thị Hu1) là 723.000.000đồng. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, các tin nhắn qua trang mạng zalo đã được lập thành Vi bằng mà nguyên đơn cung cấp thì trên thực tế ngày 19/3/2021 nguyên đơn chỉ chuyển vào tài khoản của bị đơn với số tiền là 630.000.000đồng, phù hợp với mục 28, 30, 32 trên bản Sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh – Phòng giao dịch Bãi Cháy (tại bút lục 87). Đồng thời, tại tin nhắn zalo ngày 19/3/2021 bị đơn cũng xác nhận đã nhận được số tiền góp vốn do nguyên đơn chuyển vào tài khoản của bị đơn tại Ngân hàng Vietcombank là 630.000.000đồng (bút lục 114). Số tài khoản, số điện thoại mà bị đơn sử dụng giao dịch, trao đổi với nguyên đơn hoàn toàn trùng khớp với thông tin khách hàng mà Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh đã cung cấp cho Tòa án tại công văn số 1105/VCB -DVKH ngày 30/12/2021.

Theo Giấy biên nhận thỏa thuận góp vốn ngày 20/3/2020, tin nhắn Zalo trao đổi giữa nguyên đơn, bị đơn không thể hiện rõ nhưng bản chất của việc góp vốn của nguyên đơn và bị đơn là cùng hợp tác mua chung đất, khi đất được giá cao hơn sẽ bán, chia nhau tiền sinh lời nhưng vì không thống nhất được thời gian bán nên nguyên đơn đã đề nghị xin được rút lại vốn góp. Bị đơn đồng ý, ngày 01/4/2021 và ngày 07/4/2021, bị đơn đã chuyển khoản qua ngân hàng hoàn trả cho nguyên đơn 400.000.000đồng (bút lục 85). Số tiền còn lại 230.000.000đồng, ngày 09/4/2021 qua tin nhắn Zalo, bị đơn đã hỏi nguyên đơn có muốn để góp vốn hay muốn lấy lại, nguyên đơn trả lời muốn lấy lại. Hai bên nhất trí nguyên đơn sẽ lấy lại tiền, bị đơn sẽ lấy lại đất (bút lục 113). Tuy nhiên, bị đơn đã không hoàn trả ngay số tiền góp vốn còn lại cho nguyên đơn, sau nhiều lần đôn đốc đến ngày 05/5/2021, qua tin nhắn Zalo (bút lục 114), bị đơn hẹn nguyên đơn cuối tháng nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện.

Như vậy, việc bị đơn vẫn giữ số tiền góp vốn còn lại 230.000.000đồng của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền đòi lại số tiền 230.000.000đồng mà bị đơn đang chiếm

hữu trái pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền góp vốn mua chung ô đất số 18, lô LK1, dự án PA – HB là 230.000.000đồng.

-Về yêu cầu bị đơn phải trả tiền chậm trả tính theo lãi suất ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả là 02 tháng (từ 01/5/2021 đến 30/6/2021) là 230.000.000đồng x (2:12) năm x lãi suất tạm tính 10% = 3.833.000đồng:

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù không có cam kết cụ thể bằng văn bản nhưng qua trao đổi bằng tin nhắn zalo ngày 09/4/2021 (bút lục 113) đã xác nhận nghĩa vụ hoàn trả tiền nhưng đã không thực hiện. Do đó, nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả của 02 tháng (từ 01/5/2021 đến 30/6/2021) như đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung là có căn cứ xem xét. Tuy nhiên, việc tính lãi chậm trả không được tính theo lãi suất ngân hàng như nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị mà phải tính theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, cụ thể: Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên việc tính lãi sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $230.000.000\text{đồng} \times 2 \times 10\% : 12 = 3.833.000\text{đồng}$ (tương đương, trùng khớp với số tiền lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn).

Từ phân tích, đánh giá trên thấy rằng có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền góp vốn mua chung đất còn lại là 230.000.000đồng và tiền lãi chậm trả 02 tháng (từ 01/5/2021 đến 30/6/2021) là 3.833.000đồng. Tổng cộng là 233.833.000đồng.

[3] Về bổ sung yêu cầu đơn khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phần tranh luận: Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã giải thích quyền, nghĩa vụ và hỏi người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc giữ nguyên, thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng tại phần tranh luận người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lại đề nghị xin được bổ sung yêu cầu khởi kiện. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này là không đúng với trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn chị Vũ Thị Hu1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, cụ thể theo điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết 326) là: $233.833.000\text{đồng} \times 5\% = 11.691.650\text{đồng}$ (mười một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003855 ngày 30/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H là 5.846.000đồng (năm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273, Điều 271, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 164, Điều 166, khoản 1 Điều 351, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th.

Buộc bị đơn chị Vũ Thị Hu1 phải trả lại cho nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Th số tiền góp vốn mua chung ô đất số 18, lô LK1, dự án PA - T- HB là 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả của 02 tháng tính từ 01/5/2021 đến 30/6/2021 là 3.833.000đồng (ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng là 233.833.000đồng (hai trăm ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bị đơn chị Vũ Thị Hu1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.691.650đồng (mười một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng) vào ngân sách Nhà nước. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.846.000đồng (năm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003855 ngày 30/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Hạ Long;
- Chi cục THADS tp.H;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thanh Thuý